



しごとのための 日本語

Japanese Language for Work
Japonês para Trabalho
Japonés para el Trabajo
Tiếng Nhật dành cho công việc

むりょう／免费
FREE／GRATUITO／GRATIS
Miễn phí

7/13
受付開始



No. レベル 等級 Level Nível Nível Trình độ	 会場(かいじょう) 会場 Place Local Local Địa điểm	 コーススケジュール 课程表 Course Schedule Cronograma del Curso Cronograma do Curso Lịch trình khóa học	 レベルチェックテスト 日语水平测试 Level check test Teste de verificação de nível Prueba de verificación de nivel Kiểm tra mức độ	 問(と)い合(あ)わせ 联系方式 Contact Info Información de Contacto Contato Liên hệ
 230 L2	【YOKKAICHI】 なやプラザ Naya Plaza Yokkaichi-shi, Kura-Machi 4-17 	8/28-10 月下旬 Final de Out. / Finales de Oct Late Oct. 9:30-12:30 月(げつ) - 金(きん) 周一-周五 Mon-Fri Lun - Vie/Seg - Sex thứ hai-thứ sáu	8/19 9:30	
 231 L1	【TSU】 みえけんきょういくぶんかいかん 三重県教育文化会館 Mieken Kyoiku Bunka Kaikan Tsu-shi, Sakurabashi 2-142 	9/16-12/9 18:45-20:45 月(げつ) - 金(きん) 周一-周五 Mon-Fri Lun - Vie Seg - Sex thứ hai-thứ sáu	9/9 18:45	オオタ カルラ Otta Carla ☎ 080-4335-8338 ✉ tabunka60@softbank.ne.jp にほんご / スペインご Japanese / Español
 232 L1	【SUZUKA】 ハヤシユナイテッド文化ホール鈴鹿 Hayashi United Culture Hall Suzuka Suzuka-shi, Iinojike-cho 810 	10/7-12 月中旬 Meados de dez / A mediados de dic. Mid Dec. 9:00-12:00 火(か)-金(きん) 周二-周五 Tue.-Fri. Mar. a Vie. Ter. à Sex. Thứ Ba - Thứ Sáu	9/30 9:00	



Japan International Cooperation Center

JICE Chubu Office ☎ 052-201-0881

JICE Website



JICE Tabunka

<https://www.jice.org/tabunka/recruit/>



JICE Chubu Facebook



JICE Chubu Nihongo

<https://www.facebook.com/jice.chubu.nihongo>

もうしこみ

To apply / Inscrição / Inscripción / Cách đăng ký

ハローワークでもうしこみ

Apply at **Hello Work**

Inscrições na **Hello Work**

Inscribirse en **Hello Work**

Đăng ký tại Văn phòng ổn định việc làm **Hello Work**

レベルチェックテスト

Level Check Test

Teste de Avaliação

Prueba de Nivel

Bài thi kiểm tra trình độ

けんしゅうスタート

Training Begins

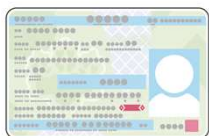
Início do Curso

Inicio del Curso

Bắt đầu khóa đào tạo

もうしこみにひつようなもの

What you need for application /
Documentos necessários para se inscrever /
Lo que necesita para inscribirse /
Những thứ cần thiết để đăng kí



ざいりゅうカードまたはパスポート

Resident Card or Passport

Cartão de permanência ou Passaporte

Tarjeta de Residencia o Pasaporte

Thẻ lưu trú Hoặc hộ chiếu

くわしくはこちら

For more details / Para mais informações /
Para más información / Xem chi tiết tại đây



中文简体

English

Português

Русский

Español

Tiếng Việt

たいしょうしゃ

Who can apply / Quem pode se candidatar / Quiénes pueden postular / Ai có thể đăng ký

- にほんではたらくことができ、しゅうしょくやキャリアアップのためににほんごのべんきょうがひつようなにほんざいじゅうのかた。
- People live and are eligible to work in Japan who need to study Japanese language in order to work, find a job or advance their careers.
- Pessoas que moram no Japão e têm permissão legal para trabalhar que precisam estudar japonês para fins de emprego ou progressão na carreira. Pessoas que moram no Japão e têm permissão legal para trabalhar que precisam estudar japonês para fins de emprego ou progressão na carreira.
- Residentes en Japón que necesitan estudiar japonés para encontrar trabajo o para su desarrollo profesional, y que sean elegibles para trabajar en Japón.
- Những người đang cư trú tại Nhật Bản, có thể làm việc hợp pháp tại Nhật Bản, cần học tiếng Nhật để tìm việc hoặc phát triển nghề nghiệp.

がくしゅうないよう

Course Content / Conteúdo da Aprendizagem / Contenido Principal del Estudio

このコースでは、あていしゅうろうにむけて、「きゅうしょくかつどう」や「はたらく」ばめんでつかうにほんごやにほんのしょくばしゅうかん、こようかんこうなどをがくしゅうします。

- This course aims to promote stable employment by teaching Japanese used in "Job Application Process" and "Work Situations", in addition to Japanese business customs and employment practices.
- Neste curso, aprenderá as frases japonesas usadas em situações relacionadas com o "Processo de Aplicação de Emprego" e "Trabalho", além dos modos de negócios e costumes laborais para encontrar um emprego estável no Japão.
- En este curso aprenderán japonés que se usa en escenas relacionadas con el "Proceso de Solicitud de Empleo" y el "Trabajo", los modales de negocios y las costumbres laborales para encontrar un trabajo estable en Japón.
- Trong khóa học này, bạn sẽ học tiếng Nhật sử dụng trong các tình huống "Làm việc", tập quán ở nơi làm việc của Nhật Bản và thói quen tuyển dụng, v.v... để có được việc làm ổn định.

ちゅういじこう

Notes / Notas / Notas / Điểm cần lưu ý

もうしこみがおおいコースは、はやく うけつけがおわることがあります！もうしこみがすくないコースは、かいこうできないことがあります。レベルチェックテストは、かならず うけてください。けんしゅうに さんか できるかどうかは、テストのけっかできまります。

- In the event that we receive many applications, we may close the application process early. Courses may not be offered if there are not enough applicants. All participants are required to take a Level Check Test. Whether you can participate in the training will be determined by the test results.
- Caso haja muitas inscrições, o período de inscrição poderá ser encerrado antes da data. Cursos com baixa procura podem não ser oferecidos. É necessário prestar o teste de avaliação para poder participar do curso. A sua participação no curso será determinada em base nos resultados dos testes.
- Si hay muchas inscripciones, es posible que el plazo de inscripción finalice antes de la fecha programada. Puede que no se den los cursos de baja demanda. Rendir la prueba de nivel es requisito básico para participar en el curso. La participación en el curso dependerá de los resultados de los exámenes.
- Việc tiếp nhận đăng ký có thể sẽ kết thúc trong trường hợp số người đăng ký quá đông. Khóa học có ít người đăng ký có thể không được khai giảng. Nhất định hãy tham gia bài thi kiểm tra trình độ. Tùy vào kết quả của bài thi, có thể bạn sẽ không được tham gia khóa đào tạo.